Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 419/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 88/2025/QH15; Luật số 120/2025/QH15; Luật số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15 và Luật số 21/2026/QH16;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản quy định tại Nghị định này gồm: vi phạm các quy định về điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; thu hồi khoáng sản; đóng cửa mỏ; đấu giá quyền khai thác khoáng sản; sử dụng số liệu, thông tin kết quả điều tra địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; quyền lợi của địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác; tài chính về địa chất, khoáng sản; kỹ thuật an toàn mỏ và các vi phạm khác trong lĩnh vực khoáng sản được quy định cụ thể tại Chương II của Nghị định này.

3. Các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng, an toàn lao động, năng lượng nguyên tử, phóng xạ và các lĩnh vực khác có liên quan xảy ra trong hoạt động địa chất, khoáng sản thì bị xử phạt theo quy định tại các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng. Hành vi vi phạm quy định về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ bị xử phạt theo quy định tại Mục 5 Chương II Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Người có thẩm quyền lập biên bản và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản và các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

2. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản theo Nghị định này bao gồm:

a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện), hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Thương mại, gồm: nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài (trừ nhà đầu tư là cá nhân) và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

c) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

d) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

đ) Các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khai thác khoáng sản vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác là hành vi của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vượt ra ngoài phạm vi khu vực khai thác đã được xác định trong giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, bao gồm một trong các trường hợp sau đây:

a) Khai thác vượt ra ngoài ranh giới trên bề mặt được giới hạn bởi các điểm khép góc theo tọa độ đã xác định (vượt ranh giới theo chiều ngang);

b) Khai thác vượt quá giới hạn độ sâu hoặc cốt cao (mức sâu) được phép khai thác đã xác định (vượt ranh giới theo chiều thẳng đứng).

2. Khai thác vượt công suất là hành vi của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có tổng sản lượng khoáng sản khai thác trong một năm (từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) vượt quá công suất được quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Công suất khai thác năm đầu tiên được tính từ ngày bắt đầu khai thác đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó; công suất khai thác năm cuối cùng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày cuối cùng của thời hạn khai thác trong năm đó.

Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả và biện pháp thi hành

1. Hình thức xử phạt chính:

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với cá nhân là 1.000.000.000 đồng, đối với tổ chức là 2.000.000.000 đồng.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động thăm dò, khai thác, thu hồi, chế biến khoáng sản từ 01 tháng đến 12 tháng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện việc đăng ký, thông báo, báo cáo, cung cấp, giao nộp đầy đủ thông tin, dữ liệu, báo cáo, tài liệu, mẫu vật địa chất, khoáng sản cho cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền theo quy định;

b) Buộc báo cáo, cải chính, đính chính, cung cấp lại thông tin, số liệu chính xác, trung thực, đầy đủ; thu hồi hoặc điều chỉnh các thông tin, dữ liệu không đúng, không đầy đủ đã cung cấp; khôi phục lại tình trạng ban đầu của hệ thống thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản bị làm sai lệch;

c) Buộc thực hiện đúng, đầy đủ nội dung đề án, dự án, nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản đã được phê duyệt;

d) Buộc lập, lập lại, bổ sung, điều chỉnh, lưu giữ, gửi và trình cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền phê duyệt, công nhận: đề án thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản, kết quả thăm dò khoáng sản, kết quả thăm dò bổ sung, hồ sơ kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản, hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, quyết định phê duyệt thiết kế mỏ, thiết kế mỏ theo quy định;

đ) Buộc trang bị đầy đủ hệ thống thiết bị, phần mềm chuyên dụng và thực hiện kiểm định định kỳ theo quy định;

e) Buộc khai thác theo đúng thiết kế mỏ hoặc thiết kế mỏ điều chỉnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

g) Buộc thực hiện thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản và lưu giữ hồ sơ theo quy định; lập, cập nhật, lưu giữ bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; lắp đặt, duy trì và sử dụng thiết bị cân, thiết bị đo đạc để kiểm soát sản lượng khoáng sản; lập hồ sơ, chứng từ về sản lượng khoáng sản và lưu giữ đầy đủ theo quy định;

h) Buộc đánh giá đầy đủ quy mô tài nguyên, trữ lượng, chất lượng các loại khoáng sản theo đề án thăm dò đã được phê duyệt;

i) Buộc thực hiện đầy đủ các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường, cải tạo công trình bảo vệ môi trường, khắc phục hư hỏng hạ tầng kỹ thuật do hành vi vi phạm gây ra;

k) Buộc thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường, phục hồi đất đai, san lấp công trình, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, đưa khu vực điều tra, thăm dò, khai thác về trạng thái an toàn theo đề án, thiết kế, phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

l) Buộc lập, trình phê duyệt và thực hiện đề án, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường; thực hiện đầy đủ khối lượng các hạng mục công việc đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn, phục hồi đất đai theo đề án đóng cửa mỏ đã được phê duyệt;

m) Buộc di chuyển toàn bộ tài sản ra khỏi khu vực thăm dò, khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định;

n) Buộc khôi phục, xây dựng lại công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường theo yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền; buộc dừng khai thác và thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản, công trình khai thác theo quy định;

o) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu nếu có hành vi ngăn chặn bằng công trình, rào chắn, thiết bị và các phương tiện khác;

p) Buộc đóng góp kinh phí và thực hiện đầy đủ các hạng mục nâng cấp, duy tu, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, công trình bảo vệ môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt;

q) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính; buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

r) Buộc nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định;

s) Buộc khôi phục tiến độ thực hiện dự án khai thác theo báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc thiết kế mỏ đã được phê duyệt; đăng ký lại ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản và thông báo đầy đủ cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ; thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, bảo vệ khoáng sản và môi trường theo quy định;

t) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và xác minh hành vi vi phạm.

4. Nguyên tắc xác định số lợi bất hợp pháp:

a) Đối với các hành vi vi phạm có áp dụng biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp quy định tại Nghị định này, số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm là toàn bộ số tiền tương ứng với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác, thu hồi, tiêu thụ hoặc đưa vào chế biến trái quy định nhân (x) với giá tính thuế tài nguyên của một đơn vị khối lượng khoáng sản (tấn, m^3) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, áp dụng tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền phát hiện, lập biên bản đối với hành vi vi phạm.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và các khoản phí, lệ phí khác vào ngân sách nhà nước tương ứng với khối lượng khoáng sản vi phạm và có chứng từ nộp ngân sách nhà nước thì các khoản đã nộp được trừ đi khi tính số lợi bất hợp pháp;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính phải thực hiện đo đạc để xác định khối lượng khoáng sản vi phạm, đơn vị thực hiện việc đo đạc phải chịu trách nhiệm toàn diện đối với kết quả đo đạc;

c) Trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để xác định thẩm quyền xử phạt và để áp dụng biện pháp buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật được xác định theo quy định tại Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; đơn giá khoáng sản là đơn giá khoáng sản nguyên khai chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

5. Biện pháp thi hành hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025, Nghị định số 190/2025/NĐ-CP) và quy định tại Nghị định này.

b) Thi hành hình thức tịch thu và xử lý tang vật là khoáng sản:

Việc tịch thu, xử lý tang vật là khoáng sản, phương tiện vi phạm hành chính thực hiện theo Điều 81 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Trường hợp tang vật là khoáng sản có khối lượng lớn, cồng kềnh, khó di chuyển, tập kết, bảo quản hoặc suy giảm chất lượng, biến chất theo thời gian, người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu quyết định hình thức bảo quản phù hợp (giao bảo quản tại khu vực vi phạm hoặc địa điểm do cơ quan có thẩm quyền chỉ định);

Giá trị tang vật là khoáng sản làm căn cứ xác định thẩm quyền tịch thu, xử lý được xác định theo quy định tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đơn giá khoáng sản nguyên khai xác định theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

c) Trình tự, thủ tục thi hành hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, đình chỉ hoạt động có thời hạn thực hiện theo Điều 80 Luật Xử lý vi phạm hành chính; người có thẩm quyền xử phạt gửi quyết định đến cơ quan đã cấp giấy phép để theo dõi, quản lý;

d) Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả:

Tổ chức, cá nhân vi phạm phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong thời hạn ghi trong quyết định xử phạt theo Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Đối với biện pháp buộc cải tạo, phục hồi môi trường, phục hồi đất đai, đưa khu vực điều tra, thăm dò, khai thác về trạng thái an toàn, đóng cửa mỏ: thực hiện theo đề án, phương án, thiết kế đã được phê duyệt; trường hợp chưa có thì phải lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo thời hạn ghi trong quyết định xử phạt;

Đối với biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp: tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo thời hạn ghi trong quyết định xử phạt;

Kiểm tra, xác nhận hoàn thành khắc phục hậu quả: cơ quan của người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vi phạm kiểm tra, xác nhận việc hoàn thành;

Trường hợp không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 86 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Áp dụng mức phạt tiền trong xử phạt hành chính

1. Mức phạt tiền đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức phạt đối với cá nhân. Mức phạt đối với hộ kinh doanh, hộ gia đình áp dụng như đối với mức phạt của cá nhân. Mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

2. Thẩm quyền phạt tiền của những người được quy định tại Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền mức tối đa áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; đối với tổ chức, thẩm quyền phạt tiền mức tối đa gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt vi phạm hành chính một lần về hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần đối với hành vi vi phạm hành chính đó.

Điều 6. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm đang thực hiện, đã kết thúc

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm được xác định là đã kết thúc và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm, các hành vi vi phạm đang thực hiện được quy định như sau:

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản là 02 năm.

2. Các hành vi vi phạm được xác định là đã kết thúc và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm như sau:

a) Hành vi không đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản quy định tại Điều 11; hành vi không thông báo kế hoạch thăm dò khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 18; hành vi không thông báo hoặc không đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác quy định tại điểm b khoản 2 Điều 33 Nghị định này: thời điểm kết thúc hành vi là thời điểm tổ chức, cá nhân bắt đầu thực hiện hoạt động thuộc trường hợp phải đăng ký, thông báo mà không đăng ký, thông báo;

b) Hành vi khai thác, thu hồi khoáng sản tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia khi chưa được phép quy định tại khoản 4 Điều 8; hành vi thăm dò khoáng sản khi giấy phép hết hạn hoặc không có giấy phép quy định tại Điều 13; hành vi khảo sát thực địa, lấy mẫu để lập đề án thăm dò khoáng sản quy định tại Điều 14; hành vi vi phạm về thiết bị, công cụ chuyên dùng, điều kiện kinh doanh dịch vụ thăm dò quy định tại Điều 16; hành vi thăm dò vượt quá mức sâu, bổ sung khối lượng công tác thăm dò, bổ sung mẫu công nghệ, moong khai thác thử, điều chỉnh phương pháp, giảm khối lượng công tác thăm dò chưa được chấp thuận quy định tại Điều 17; hành vi lợi dụng thăm dò để khai thác khoáng sản quy định tại Điều 22; hành vi khai thác khoáng sản mà không có giấy phép quy định tại Điều 26; hành vi khai thác vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác quy định tại Điều 27; hành vi khai thác vượt công suất được phép khai thác quy định tại Điều 28; hành vi khai thác gây tổn thất khoáng sản vượt định mức quy định tại Điều 29; hành vi khai thác, thu hồi khoáng sản trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Điều 31 và Điều 32; hành vi vi phạm về thiết kế mỏ quy định tại Điều 36; hành vi vi phạm về giám đốc điều hành mỏ quy định tại Điều 37; hành vi tháo dỡ, phá hủy công trình, thiết bị bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường khi giấy phép khai thác đã chấm dứt hiệu lực quy định tại Điều 40; hành vi lấy mẫu thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản không đúng chủng loại, khối lượng, vị trí được phép hoặc lấy mẫu, thử nghiệm công nghệ chế biến khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 56; hành vi thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản khi chưa được phê duyệt, chấp thuận quy định tại điểm a khoản 3 Điều 57; hành vi vi phạm quy định về sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản quy định tại Điều 59: thời điểm kết thúc hành vi là thời điểm đã thực hiện xong hành vi vi phạm quy định tại điểm này;

c) Hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ các loại khoáng sản đã phát hiện quy định tại Điều 7; hành vi vi phạm quy định đối với quyền lợi hợp pháp của địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác quy định tại Điều 9; hành vi không cắm mốc hoặc cắm mốc không đúng quy định các điểm khép góc khu vực được phép thăm dò quy định tại khoản 5 Điều 18, khu vực được phép khai thác khoáng sản quy định tại điểm e khoản 5 Điều 33; hành vi vi phạm quy định về thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản quy định tại Điều 19; hành vi vi phạm về nghĩa vụ khi giấy phép

thăm dò bị thu hồi, chấm dứt hiệu lực quy định tại Điều 24; hành vi vi phạm về nộp hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại Điều 30; hành vi chậm nộp hồ sơ quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quy định tại điểm a khoản 5 Điều 33; hành vi không lắp đặt thiết bị cân, camera giám sát, thiết bị giám sát hành trình quy định tại Điều 33, Điều 34; hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 6 Điều 33; hành vi vi phạm về thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản quy định tại Điều 34; hành vi vi phạm về bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng quy định tại Điều 38; hành vi báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản không đầy đủ thông tin theo mẫu quy định tại Điều 42; hành vi không thực hiện thống kê, kiểm kê khối lượng, nguồn gốc khoáng sản đưa vào chế biến quy định tại khoản 2 Điều 55; hành vi không kê khai, không báo cáo trung thực, đầy đủ về hoạt động chế biến khoáng sản quy định tại điểm b khoản 4 Điều 55; hành vi vi phạm quy định về đóng cửa mỏ khoáng sản quy định tại Điều 57; hành vi vi phạm về thu hồi khoáng sản và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản quy định tại Điều 53 và Điều 54; hành vi chưa hoàn trả hoặc hoàn trả không đầy đủ chi phí điều tra cơ bản địa chất, chi phí thăm dò khoáng sản quy định tại điểm b khoản 5 Điều 59; hành vi vi phạm về nghĩa vụ khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại Điều 61 và Điều 62: thời điểm kết thúc hành vi là thời điểm đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản đối với các nội dung nêu tại điểm này;

d) Hành vi nộp hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản không đúng thời điểm quy định tại Điều 25, Điều 41; hành vi nộp chậm hoặc không nộp báo cáo định kỳ hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản quy định tại Điều 42; hành vi không báo cáo kế hoạch lấy mẫu hoặc không báo cáo kết quả lấy mẫu thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 56; hành vi nộp chậm báo cáo đột xuất, không cung cấp thông tin định kỳ, đột xuất quy định tại khoản 1 Điều 58; hành vi nộp chậm báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, mẫu vật địa chất quy định tại điểm b khoản 5 Điều 12 và Điều 60; hành vi không xin gia hạn thời hạn nộp hồ sơ quy định tại Điều 63: thời điểm kết thúc hành vi là thời hạn cuối cùng phải nộp theo quy định;

đ) Hành vi chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền thăm dò quy định tại khoản 6 Điều 18; hành vi chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản quy định tại Điều 35: thời điểm kết thúc hành vi là thời điểm thực hiện xong nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng hoặc văn bản đã ký kết;

e) Hành vi quá thời hạn quy định mà tổ chức, cá nhân không nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kèm theo hồ sơ công nhận kết quả thăm dò khoáng sản hoặc kết quả thăm dò bổ sung quy định tại Điều 23 và khoản 3 Điều 33: thời điểm kết thúc hành vi là thời điểm đã nộp đầy đủ hồ sơ, tài liệu và được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định.

3. Các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này được xác định là hành vi vi phạm đang được thực hiện.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1
VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN; TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI CỦA ĐỊA PHƯƠNG, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Điều 7. Vi phạm các quy định về bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác và khai thác, sử dụng khoáng sản chưa khai thác

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không đánh giá tổng hợp, không báo cáo đầy đủ thông tin, dữ liệu về loại khoáng sản phát hiện trong khu vực thăm dò cho cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền cấp giấy phép.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không quản lý, bảo vệ khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng và khoáng sản đi kèm, khoáng sản mới phát hiện trong quá trình khai thác.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong số các hành vi sau:

a) Sử dụng công nghệ, thiết bị lạc hậu hơn so với công nghệ, thiết bị đã xác định trong dự án đầu tư để khai thác, chế biến khoáng sản dẫn tới tăng hệ số tổn thất tài nguyên khoáng sản so với hệ số tổn thất đã được xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản được phê duyệt;

b) Người sử dụng đất, tổ chức, cá nhân được giao đất, khu vực biển không bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong diện tích đất hoặc khu vực biển được giao;

c) Không báo cáo cho cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền khi phát hiện khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III trong quá trình thực hiện dự án đầu tư hoặc các hoạt động khác.

Điều 8. Vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ khoáng sản tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không bảo vệ khoáng sản trong phạm vi khu vực triển khai dự án mà khu vực đó nằm trong khu vực đã được khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi thực hiện hoạt động san gạt, đào đắp bề mặt địa hình hoặc các hoạt động tác động trực tiếp đến khoáng sản dự trữ.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không theo dõi, giám sát và không báo cáo cho Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi có tác động trực tiếp đến loại khoáng sản tại khu vực dự trữ.

4. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi khai thác, thu hồi khoáng sản tại khu vực dự trữ trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, xây dựng công trình khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ tang vật là khoáng sản chưa bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy có được do thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá khoáng sản đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này đối với khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trước thời điểm lập biên bản làm việc, biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc biên bản vi phạm hành chính.

Điều 9. Vi phạm quy định đối với quyền lợi hợp pháp của địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không đóng góp kinh phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy định do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc đóng góp kinh phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Vi phạm các quy định về trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nơi có tài nguyên địa chất, khoáng sản được khai thác

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi từ chối, cản trở hoặc không cho tiếp cận khu vực phục vụ hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản theo quy định.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không phản ánh với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật trong hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi cản trở trái pháp luật công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò, khai thác, thu hồi khoáng sản hợp pháp.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu nếu có hành vi ngăn chặn bằng công trình, rào chắn, thiết bị và các phương tiện khác đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Mục 2
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT, ĐIỀU TRA ĐỊA CHẤT VỀ KHOÁNG SẢN

Điều 11. Vi phạm quy định về đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản

1. Cảnh cáo đối với hành vi chậm đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; chậm đăng ký bổ sung hoặc điều chỉnh khi có thay đổi về mục tiêu, diện tích điều tra so với đề án được phê duyệt với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; không đăng ký bổ sung hoặc điều chỉnh khi có thay đổi về mục tiêu, diện tích điều tra so với đề án được phê duyệt với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi khai thác, thu hồi khoáng sản trong hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền theo quy định mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản khi chưa được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận bằng văn bản.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc chấm dứt hoạt động điều tra trái phép và hoàn trả lại hiện trạng ban đầu nếu gây ảnh hưởng đến khu vực điều tra đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về điều tra và nghĩa vụ trong hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi san lấp không đầy đủ hoặc không san lấp các công trình khai đào: hào, giếng; không xây bịt cửa lò hoặc không lấp bịt cửa lò đối với công trình sau khi đã kết thúc thi công theo thiết kế; không lấp lỗ khoan bằng các vật liệu đúng theo đề án được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm tính trung thực khi thu thập, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường, tài nguyên địa chất, khoáng sản trong quá trình điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản theo quy định tại đề án đã được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cố ý hủy hoại hoặc làm hư hỏng mẫu vật địa chất, khoáng sản có giá trị, quý hiếm.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện đúng đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt; không tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, định mức, đơn giá trong điều tra cơ bản địa chất;

b) Chậm nộp hoặc không nộp báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi lấy mẫu công nghệ vượt quá 30% khối lượng cho phép.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, mẫu vật địa chất, khoáng sản thu được từ hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải tạo, phục hồi theo thiết kế, đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đưa khu vực về trạng thái an toàn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

c) Buộc nộp báo cáo, mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;

d) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, mẫu vật quy định tại khoản 7 Điều này đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

Mục 3
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Điều 13. Hành vi thăm dò khoáng sản mà không có giấy phép

1. Phạt tiền đối với hành vi thi công thăm dò mà không có giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền theo quy định mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể như sau:

a) Từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường hợp thăm dò khoáng sản nhóm III;

b) Từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với trường hợp thăm dò khoáng sản nhóm II;

c) Từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với trường hợp thăm dò khoáng sản nhóm I.

2. Phạt tiền đối với hành vi thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết hạn, kể cả trường hợp đang đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản mà chưa được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản, cụ thể như sau:

a) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp thăm dò khoáng sản nhóm III;

b) Từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường hợp thăm dò khoáng sản nhóm II;

c) Từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với trường hợp thăm dò khoáng sản nhóm I.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ mẫu vật, tài liệu, thiết bị thu được từ hoạt động thăm dò trái phép quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải tạo, đưa khu vực thăm dò về trạng thái an toàn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

Điều 14. Vi phạm quy định về khảo sát thực địa, lấy mẫu để lập đề án thăm dò khoáng sản

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu để lập đề án thăm dò khoáng sản khi chưa gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực dự kiến thăm dò khoáng sản theo quy định.

Điều 15. Vi phạm quy định về tiêu chuẩn của nhân sự phụ trách kỹ thuật thăm dò khoáng sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nhân viên kỹ thuật phụ trách chuyên ngành không có thời gian tham gia thi công đề án điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản hoặc thăm dò khoáng sản nhóm III tối thiểu 02 năm (trình độ trung cấp nghề) hoặc 01 năm (trình độ đại học).

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản nhóm III không có thời gian tham gia thi công với tư cách là nhân viên kỹ thuật địa chất 01 đề án thăm dò khoáng sản;

b) Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản đảm nhận quá 02 đề án thăm dò khoáng sản cùng một thời gian;

c) Nhân viên kỹ thuật phụ trách chuyên ngành không có thời gian tham gia thi công đề án điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản hoặc thăm dò khoáng sản nhóm I, nhóm II tối thiểu 03 năm (trình độ trung cấp nghề) hoặc 02 năm (trình độ đại học).

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản nhóm I hoặc nhóm II không có đủ 05 năm kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản hoặc thăm dò khoáng sản;

b) Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản độc hại không có thời gian tham gia thi công với tư cách là nhân viên kỹ thuật địa chất 01 đề án thăm dò khoáng sản độc hại hoặc làm chủ nhiệm 01 đề án thăm dò khoáng sản từ bước lập đề án đến bước lập báo cáo kết quả thăm dò được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản không có thời gian chỉ đạo thi công ít nhất 25% tổng thời gian thi công đề án thăm dò được quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản;

d) Nhân viên kỹ thuật phụ trách chuyên ngành không có thời gian tham gia thi công đề án điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản hoặc thăm dò khoáng sản độc hại tối thiểu 05 năm (trình độ trung cấp nghề) hoặc 03 năm (trình độ đại học) và không có ít nhất 01 năm tham gia thi công đề án điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản hoặc thăm dò khoáng sản độc hại.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi chủ nhiệm đề án thăm dò là người nước ngoài nhưng không có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chủ nhiệm đề án thăm dò không có văn bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất thăm dò, kỹ thuật địa chất hoặc tương đương;

b) Chủ nhiệm đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không có văn bằng đại học trở lên chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình;

c) Chủ nhiệm đề án thăm dò không có chứng chỉ chủ nhiệm đề án địa chất hoặc đề án thăm dò khoáng sản được cấp bởi tổ chức đào tạo chuyên ngành.

Điều 16. Vi phạm quy định về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản; hồ sơ kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản không lưu giữ hồ sơ kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản;

b) Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản lập hồ sơ kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản nhưng không bảo đảm tính trung thực.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản không có hồ sơ kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điều 27 và Điều 28 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lưu giữ hồ sơ kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc lập lại hồ sơ kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản; bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản thi công bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn mà chưa được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cấp phép chấp thuận bằng văn bản theo quy định.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi thăm dò vượt quá mức sâu thăm dò, bổ sung mẫu công nghệ, bổ sung moong khai thác thử, điều chỉnh phương pháp hoặc giảm khối lượng công tác thăm dò mà chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 của Luật Địa chất và khoáng sản.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc lập, trình cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền chấp thuận kế hoạch thi công bổ sung, hồ sơ điều chỉnh đề án thăm dò khoáng sản theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 18. Vi phạm quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo kế hoạch thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thu thập đầy đủ, không lưu giữ thông tin về khoáng sản;

b) Không thực hiện các công việc khi giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực quy định tại khoản 3 Điều 52 của Luật Địa chất và khoáng sản.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản;

b) Không đánh giá đầy đủ quy mô tài nguyên, trữ lượng, chất lượng các loại khoáng sản theo đề án thăm dò khoáng sản.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cố ý hủy hoại hoặc làm hư hỏng mẫu vật địa chất, khoáng sản có giá trị, quý hiếm.

5. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc cắm mốc các điểm khép góc khu vực được phép thăm dò khoáng sản.

6. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản nhưng chưa được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền cho phép theo quy định.

7. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng thăm dò khoáng sản để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động thăm dò khoáng sản từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động thăm dò khoáng sản từ 09 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo, lưu giữ hồ sơ, tài liệu kỹ thuật, đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc đánh giá đầy đủ quy mô tài nguyên, trữ lượng, chất lượng các loại khoáng sản theo đề án thăm dò được phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác kèm theo đề án thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản, xác định khoáng sản đi kèm.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không lập đề án thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản và xác định khoáng sản đi kèm.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản tiến hành thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản và xác định khoáng sản đi kèm trong ranh giới mỏ được cấp phép mà không có chức năng hành nghề thăm dò khoáng sản theo quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động thăm dò từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp bổ sung báo cáo đề án và hồ sơ thăm dò cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc lập đề án thăm dò bổ sung đúng quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng; thăm dò, khai thác khoáng sản đi kèm

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng không có đội ngũ cán bộ, chuyên gia địa chất, khoáng sản có trình độ chuyên môn phù

hợp với ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản hoặc thăm dò khoáng sản; không có bộ phận kỹ thuật đủ khả năng thực hiện các phương pháp thăm dò tiên tiến, bao gồm địa vật lý, địa hóa, khoan thăm dò và phân tích mẫu.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng không có hệ thống thiết bị, máy móc chuyên dụng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; không được kiểm định, bảo dưỡng định kỳ; không có phần mềm chuyên dụng để xử lý, phân tích dữ liệu địa chất, khoáng sản.

3. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo hoặc có báo cáo nhưng chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định nhưng vẫn khai thác, sử dụng khoáng sản đi kèm, khoáng sản mới phát hiện trong quá trình khai thác, kể cả khoáng sản là đất đá ở bãi thải của mỏ; sử dụng khoáng sản thu hồi được từ khối tài nguyên nằm trong không gian, phạm vi được cấp phép trong quá trình khai thác.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động thăm dò từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trang bị đầy đủ hệ thống thiết bị, phần mềm chuyên dụng, kiểm định định kỳ theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc bổ sung hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về thăm dò khoáng sản phóng xạ, khoáng sản có chứa các nguyên tố phóng xạ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường đã được xác định trong đề án thăm dò khoáng sản nhưng chưa gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thăm dò khoáng sản.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không xác định đầy đủ các yếu tố gây ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến sức khỏe con người hoặc không thực hiện biện pháp khắc phục theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật Địa chất và khoáng sản khi đã gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thăm dò khoáng sản độc hại, khoáng sản phóng xạ.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động thăm dò khoáng sản trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần, cụ thể như sau:

a) Từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đầy đủ các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 22. Hành vi lợi dụng thăm dò để khai thác khoáng sản

1. Hành vi lợi dụng thăm dò khoáng sản để khai thác khoáng sản khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền theo quy định mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt theo khung tiền phạt tương ứng với tổng trị giá khoáng sản đã khai thác trái phép quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ tang vật là khoáng sản chưa bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy có được do thực hiện hành vi vi phạm.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá khoáng sản đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

c) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và xác minh hành vi vi phạm;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này đối với khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trước thời điểm lập biên bản làm việc, biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc biên bản vi phạm hành chính.

Điều 23. Vi phạm quy định về giao nộp báo cáo kết quả thăm dò

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi quá thời hạn quy định mà tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà không nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kèm theo hồ sơ công nhận kết quả thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi quá thời hạn quy định mà tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của Bộ Công Thương hoặc Bộ trưởng Bộ Công Thương mà không nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kèm theo hồ sơ công nhận kết quả thăm dò khoáng sản cho Bộ Công Thương.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc lập và nộp đầy đủ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và hồ sơ công nhận kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về nghĩa vụ khi giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi, chấm dứt hiệu lực

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên liên quan ra khỏi khu vực thăm dò trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không san lấp công trình thăm dò; không bảo vệ khoáng sản; không phục hồi môi trường, đất đai theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc di chuyển toàn bộ tài sản ra khỏi khu vực thăm dò đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường, san lấp công trình, bảo vệ khoáng sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản

Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản khi giấy phép còn hiệu lực ít hơn 45 ngày, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 4
VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Điều 26. Hành vi khai thác khoáng sản mà không có giấy phép

1. Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường hợp tổng trị giá khoáng sản dưới 100.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường hợp tổng trị giá khoáng sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng đối với trường hợp tổng trị giá khoáng sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 350.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với trường hợp tổng trị giá khoáng sản từ 300.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 900.000.000 đồng đối với trường hợp tổng trị giá khoáng sản từ 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật là khoáng sản trong trường hợp chưa bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy có được do thực hiện hành vi vi phạm;

b) Tịch thu phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính, bao gồm phương tiện, thiết bị trực tiếp khai thác khoáng sản và phương tiện, thiết bị bốc xúc, vận chuyển khoáng sản có được do thực hiện hành vi vi phạm.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

b) Buộc thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn;

c) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và xác minh hành vi vi phạm;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này đối với khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trước thời điểm lập biên bản làm việc, biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc biên bản vi phạm hành chính.

Điều 27. Vi phạm các quy định về ranh giới khu vực khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự trừ trường hợp địa hình bị sụt lún, sạt lở được chính quyền địa phương xác nhận, cụ thể như sau:

a) Từ 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với trường hợp tổng trị giá khoáng sản dưới 100.000.000 đồng;

b) Từ 80.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với trường hợp tổng trị giá khoáng sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

c) Từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với trường hợp tổng trị giá khoáng sản từ 300.000.000 đồng trở lên.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ tang vật là khoáng sản trong trường hợp chưa bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy có được do thực hiện hành vi vi phạm;

b) Tịch thu phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính, bao gồm phương tiện, thiết bị trực tiếp khai thác khoáng sản và phương tiện, thiết bị bốc xúc, vận chuyển khoáng sản có được do thực hiện hành vi vi phạm.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trước thời điểm lập biên bản làm việc, biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc biên bản vi phạm hành chính;

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

Điều 28. Vi phạm quy định về công suất được phép khai thác

1. Phạt tiền đối với hành vi khai thác vượt công suất được phép khai thác hàng năm nêu trong giấy phép khai thác khoáng sản, cụ thể như sau:

a) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với trường hợp khai thác vượt công suất đến dưới 15% mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp khai thác vượt công suất từ 15% đến dưới 25% mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với trường hợp khai thác vượt công suất từ 25% đến dưới 50% mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường hợp khai thác vượt công suất từ 50% đến dưới 100% mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với trường hợp khai thác vượt công suất từ 100% trở lên mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản trong trường hợp vi phạm nhiều lần: từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 1; từ 02 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các biện pháp cải tạo công trình bảo vệ môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường, hư hỏng hạ tầng kỹ thuật do hành vi khai thác vượt công suất gây ra tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc trong trường hợp cần xác minh, làm rõ hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này.

Điều 29. Vi phạm quy định về tổn thất định mức trong khai thác

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản gây tổn thất khoáng sản vượt quá so với trị số tổn thất định mức được xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ đã duyệt, cụ thể như sau:

1. Phạt cảnh cáo với trường hợp gây tổn thất khoáng sản vượt dưới 5% so với trị số tổn thất định mức.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường hợp gây tổn thất khoáng sản vượt từ 5% đến dưới 10% so với trị số tổn thất định mức.

3. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với trường hợp gây tổn thất khoáng sản vượt quá từ 10% trở lên so với trị số tổn thất định mức.

Điều 30. Vi phạm quy định về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp đã có sự thay đổi tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản từ 01 năm trở lên nhưng không nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản hoặc đã nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành khai thác theo những nội dung đang đề nghị điều chỉnh nhưng chưa được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về khai thác khoáng sản nhóm III trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong phạm vi diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư nhưng sản phẩm khai thác không sử dụng để xây dựng công trình đó mà chưa được phép của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền cấp phép khai thác, cụ thể như sau:

a) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với trường hợp khoáng sản sau khai thác đem sử dụng cho tổ chức, cá nhân khác; cho dự án, công trình khác;

b) Từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp khoáng sản sau khai thác đem bán cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và xác minh trong trường hợp có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 32. Hành vi thu hồi khoáng sản mà không có giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản

1. Hành vi thu hồi khoáng sản trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình, hoạt động cải tạo, nạo vét, thu hồi đất, đá thải, quặng đuôi hoặc trong quá trình thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản mà không có giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản hoặc chưa được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cho phép theo quy định, trừ trường hợp không phải đăng ký quy định tại khoản 5 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản và trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định này, mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt theo khung tiền phạt tương ứng với tổng trị giá khoáng sản đã thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ khối lượng khoáng sản chưa bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy có được do thực hiện hành vi vi phạm;

b) Tịch thu phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính, bao gồm phương tiện, thiết bị trực tiếp khai thác khoáng sản và phương tiện, thiết bị bốc xúc, vận chuyển khoáng sản có được do thực hiện hành vi vi phạm.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này đối với khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trước thời điểm lập biên bản làm việc, biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc biên bản vi phạm hành chính;

b) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và xác minh trong trường hợp có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

Điều 33. Vi phạm quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lắp đặt bảng thông báo công khai thông tin của bến, bãi tập kết cát, sỏi, bảng thông báo công khai thông tin về giấy phép khai thác, dự án khai thác;

b) Không ký hợp đồng vận chuyển với các chủ phương tiện đủ điều kiện vận chuyển theo quy định pháp luật trong trường hợp không trực tiếp vận chuyển cát, sỏi.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không phối hợp với chính quyền địa phương trong hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án;

b) Không đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; không thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo cơ quan quản lý nhà nước để công nhận kết quả thăm dò bổ sung khi thăm dò bổ sung.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký bến bãi, vị trí tập kết, loại phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi theo quy định pháp luật.

5. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chậm nộp hồ sơ quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định;

b) Khai thác khoáng sản không đúng thời gian khai thác trong ngày, trong năm quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản;

c) Không lập phương án quan trắc, đánh giá mức độ bồi tụ tại khu vực khai thác cát, sỏi lòng sông, hồ, khu vực biển; không đánh giá mức độ biến động đáy sông, hồ, biển khu vực lân cận;

d) Không lập bản đồ đáy sông, hồ, biển tại khu vực khai thác và khu vực lân cận định kỳ 06 tháng một lần hoặc lập không đúng quy định về thời gian và nội dung;

đ) Không lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, không lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi;

e) Không thực hiện việc cắm mốc các điểm khép góc khu vực được phép khai thác khoáng sản.

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng khoáng sản không đúng mục đích quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản khi chưa được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép theo quy định;

b) Không lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác; không kiểm soát sản lượng trước khi vận chuyển ra ngoài; không đầu tư, lắp đặt, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với cơ quan quản lý theo lộ trình quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

c) Tiếp tục khai thác khi đã khai thác đủ trữ lượng quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản nhưng không báo cáo cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền cho phép theo quy định trước khi thực hiện, trừ trường hợp khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 59 của Luật Địa chất và khoáng sản, mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Đã quá thời hạn trong thông báo kết quả kiểm tra, kết luận thanh tra nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà không thuộc trường hợp bất khả kháng (trừ các trường hợp phải thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép theo quy định).

7. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đóng cửa mỏ; không cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

8. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng khai thác khoáng sản để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

9. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không nộp hoặc nộp không đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sau thời hạn cuối cùng phải nộp theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động khai thác từ 09 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động khai thác từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 6 Điều này;

d) Tịch thu tang vật là khoáng sản trong trường hợp chưa được tiêu thụ, tẩu tán có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 6 Điều này;

đ) Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 9 Điều này.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng ký lại ngày bắt đầu xây dựng cơ bản và ngày bắt đầu khai thác, thông báo đầy đủ với chính quyền địa phương đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc lập, gửi và được phê duyệt đề án thăm dò bổ sung; công nhận kết quả thăm dò bổ sung theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định của người có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 5 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm tại điểm c khoản 6 Điều này đối với khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trước thời điểm lập biên bản làm việc, biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc biên bản vi phạm hành chính;

đ) Buộc lập, phê duyệt và thực hiện phương án đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 7 Điều này;

e) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật quy định tại điểm d khoản 10 Điều này đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

Điều 34. Vi phạm quy định về thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không thực hiện công tác thống kê, kiểm kê khối lượng, trữ lượng khoáng sản đã khai thác định kỳ hằng năm theo quy định;

b) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không lập sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản nguyên khai, khối lượng đất đá thải (nếu có), khối lượng khoáng sản đưa vào chế biến và khối lượng khoáng sản sau chế biến theo dự án khai thác;

c) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không lập sổ theo dõi hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai, trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau chế biến;

d) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không lưu giữ kết quả tính toán khối lượng, trữ lượng theo bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không lắp đặt, không duy trì vận hành, không sử dụng thiết bị cân hoặc thiết bị đo đạc, camera giám sát để kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác phục vụ thống kê;

b) Tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản không lập sổ sách, chứng từ về sản lượng khoáng sản đã thu hồi; không có hồ sơ nghiệm thu khối lượng đào đắp trong dự án;

c) Tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản không lưu giữ, không bảo quản đầy đủ hồ sơ sổ sách, chứng từ liên quan đến khối lượng khoáng sản đã thu hồi.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không kiểm soát khối lượng khoáng sản nguyên khai bằng thiết bị cân hoặc thiết bị đo đạc trước khi đưa ra khỏi khu vực khai thác;

b) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không kiểm soát khối lượng khoáng sản nguyên khai trước khi đưa vào chế biến và trước khi đưa ra khỏi khu vực khai thác;

c) Tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản không kiểm soát khối lượng khoáng sản thu hồi bằng thiết bị cân hoặc thiết bị đo đạc trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án khai thác.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện thống kê, kiểm kê, lưu giữ hồ sơ theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;

b) Buộc lắp đặt, duy trì và sử dụng thiết bị cân, thiết bị đo đạc để kiểm soát sản lượng khoáng sản đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và các điểm a, b và c khoản 3 Điều này;

c) Buộc lập hồ sơ, chứng từ về sản lượng khoáng sản đã thu hồi và lưu giữ đầy đủ hồ sơ liên quan theo quy định đối với hành vi vi phạm tại các điểm b và c khoản 2 Điều này.

Điều 35. Vi phạm quy định về chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền đối với hành vi chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản nhưng chưa được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền cho phép theo quy định, cụ thể như sau:

a) Từ 120.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV;

b) Từ 160.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản từ 03 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 36. Vi phạm quy định về thiết kế mỏ

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi khai thác không đúng chủng loại hoặc vượt quá số lượng thiết bị khai thác đã được xác định trong hồ sơ dự án đầu tư khai thác khoáng sản đối với hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không gửi quyết định phê duyệt thiết kế mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi đổ thải không đúng vị trí đã xác định trong thiết kế mỏ được phê duyệt mà chưa được cơ quan quản lý nhà nước hoặc người có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

4. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi khai thác không đúng hệ thống khai thông, chuẩn bị (đối với khai thác hầm lò), hệ thống mở vỉa (đối với khai thác lộ thiên); không đúng trình tự khai thác; không cắt tầng khai thác theo thiết kế mỏ đã phê duyệt.

5. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi chủ dự án đầu tư khai thác khoáng sản, bao gồm cả khai thác tận thu theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ mà không có thiết kế mỏ trừ trường hợp được miễn trừ phải lập thiết kế mỏ theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác từ 02 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện theo thiết kế mỏ hoặc thiết kế mỏ điều chỉnh được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này;

b) Buộc gửi quyết định phê duyệt thiết kế mỏ về cơ quan có thẩm quyền theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc lập, phê duyệt thiết kế mỏ theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 5 Điều này.

Điều 37. Vi phạm quy định về giám đốc điều hành mỏ, nhân sự quản lý, điều hành sản xuất trong khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực của giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày bắt đầu khai thác mỏ hoặc trong trường hợp thay đổi giám đốc điều hành mỏ.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm điều kiện để giám đốc điều hành hoặc nhân sự điều hành mỏ thực hiện nhiệm vụ.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi giám đốc điều hành mỏ lộ thiên điều hành đồng thời hơn 03 giấy phép khai thác khoáng sản, điều hành giấy phép khai thác khoáng sản cấp cho tổ chức, cá nhân khác hoặc điều hành các mỏ có khoảng cách vượt quá 10 km.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhân sự điều hành mỏ không đáp ứng yêu cầu quy định.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi giám đốc điều hành mỏ khai thác mỏ hầm lò điều hành đồng thời từ 02 giấy phép khai thác khoáng sản trở lên.

6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi bổ nhiệm giám đốc điều hành khai thác hầm lò không đáp ứng các yêu cầu quy định.

7. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản tiến hành khai thác khoáng sản mà không có giám đốc điều hành mỏ hoặc nhân sự điều hành mỏ theo quy định tại Điều 62 của Luật Địa chất và khoáng sản.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

Điều 38. Vi phạm quy định về bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản rắn không lập, không cập nhật, không quản lý hoặc không lưu giữ bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác kể từ khi bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ đến khi kết thúc khai thác theo giấy phép.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại tại các thời điểm quy định (gia hạn, điều chỉnh, chuyển nhượng, trả lại giấy phép, đóng cửa mỏ).

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, số liệu thống kê, kiểm kê không trung thực.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập, cập nhật, lưu giữ bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc cung cấp thông tin, số liệu chính xác, trung thực đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 39. Vi phạm quy định về khai thác khoáng sản chiến lược, quan trọng, khoáng sản độc hại, khoáng sản phóng xạ, khoáng sản có chứa các nguyên tố phóng xạ

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường đã được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế mỏ nhưng chưa gây ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần.

Điều 40. Vi phạm quy định về nghĩa vụ khi bị thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi tự ý tháo dỡ, phá hủy các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản theo giấy phép đã bị thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực mà không được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền cho phép.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không di chuyển tài sản của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 66 của Luật Địa chất và khoáng sản.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục, xây dựng lại công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường theo yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc di chuyển toàn bộ tài sản ra khỏi khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 41. Vi phạm quy định về thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi giấy phép còn hiệu lực ít hơn 30 ngày, trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản khi giấy phép còn hiệu lực ít hơn 30 ngày, trừ trường hợp bất khả kháng.

Điều 42. Vi phạm quy định về báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản; báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản hàng năm

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đã nộp báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, báo cáo định kỳ thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản nhưng nội dung báo cáo không đầy đủ thông tin theo mẫu quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nộp chậm báo cáo định kỳ hoạt động thăm dò khoáng sản theo quy định từ 30 ngày đến dưới 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp báo cáo theo quy định;

b) Nộp báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, báo cáo định kỳ thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản theo quy định chậm từ 15 ngày đến dưới 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp báo cáo theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không nộp báo cáo định kỳ hoạt động thăm dò khoáng sản theo quy định (tổ chức, cá nhân nộp báo cáo định kỳ hoạt động thăm dò khoáng sản chậm từ 60 ngày trở lên kể từ ngày hết thời hạn nộp báo cáo theo quy định được xem là không nộp báo cáo định kỳ hoạt động thăm dò khoáng sản).

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi nộp chậm báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, báo cáo định kỳ thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản theo quy định từ 30 ngày đến dưới 60 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp báo cáo theo quy định.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không nộp báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, báo cáo định kỳ thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản (tổ chức, cá nhân nộp báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản chậm từ 60 ngày trở lên kể từ ngày hết thời hạn nộp báo cáo theo quy định được xem là không nộp báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản).

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi, không lập, lưu giữ đầy đủ hoặc không cung cấp đầy đủ các văn bản, tài liệu, sổ sách để xác định sản lượng khai thác khoáng sản, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác hàng năm; kê khai số liệu thống kê tổng sản lượng hoặc trữ lượng khoáng sản đã khai thác trong báo cáo định kỳ không trung thực.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc lập, nộp báo cáo đính chính thông tin, nội dung báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ theo quy định đối với các hành vi vi phạm tại khoản 6 Điều này;

b) Buộc nộp báo cáo định kỳ hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản theo quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.

Mục 5
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT AN TOÀN TRONG KHAI THÁC MỎ

Điều 43. Vi phạm các quy định về lập hồ sơ quản lý kỹ thuật an toàn, thi công hộ chiếu khai thác mỏ

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm lập không đúng, không đầy đủ hoặc không lập các tài liệu kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ theo quy định, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp lập không đúng, không đầy đủ các tài liệu kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp không lập các tài liệu kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thi công không đúng theo hộ chiếu, biện pháp thi công được phê duyệt.

Điều 44. Vi phạm quy định về sử dụng hệ thống thiết bị, phương tiện

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm về việc đưa hệ thống thiết bị, phương tiện trước khi đưa vào vận hành lần đầu trong mỏ hầm lò, cụ thể như sau:

a) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đưa vào vận hành trước khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra chấp thuận;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra chấp thuận trước đưa vào vận hành.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong quá trình sử dụng phương tiện, thiết bị vận tải mỏ.

3. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về thiết bị, máy, phương tiện trong nhà máy tuyển khoáng, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng không đúng, không đủ hồ sơ quản lý đối với thiết bị, máy, phương tiện;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng hồ sơ quản lý đối với thiết bị, máy, phương tiện;

c) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong quá trình vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, máy, phương tiện.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi trang bị, sử dụng bình tự cứu cá nhân không đúng quy định.

Điều 45. Vi phạm các quy định về thông gió, thoát nước và ngăn ngừa bục nước mỏ, xếp loại mỏ hầm lò theo mức độ nguy hiểm do khí mê tan cháy, nổ gây ra

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về thông gió mỏ, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với thông gió đường lò cụt, gương khấu, đo kiểm soát không khí mỏ;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi lắp đặt, vận hành các công trình thông gió, quạt gió cục bộ không đúng quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn;

c) Từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp đủ lưu lượng và tốc độ gió theo yêu cầu đến các vị trí sản xuất;

d) Từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng kế hoạch thông gió mỏ hoặc không điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thông gió mỏ kịp thời khi kế hoạch sản xuất thay đổi; không lập sơ đồ mạng thông gió mỏ.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về thoát nước, ngăn ngừa bục nước mỏ, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với trạm bơm thoát nước mỏ;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong những hành vi vi phạm các quy định kỹ thuật an toàn về phòng ngừa bục nước mỏ, bao gồm: Không lập kế hoạch khoan thăm dò bục nước, khoan thăm dò trước gương; không lập biện pháp thi công khoan thăm dò bục nước, khoan thăm dò trước gương; thi công không đúng biện pháp được duyệt.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không trình hồ sơ đề nghị xếp loại mỏ hầm lò theo mức độ nguy hiểm do khí mê tan cháy, nổ gây ra với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c, d khoản 1 và khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 46. Vi phạm các quy định về cung cấp điện trong mỏ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về bảo vệ chống rò điện, bảo vệ quá dòng đối với mạng cung cấp điện và thiết bị điện mỏ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong quá trình sử dụng cáp điện, máy điện, thiết bị điện và trạm biến áp.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi cấu tạo và sơ đồ đấu nối của thiết bị điện, các sơ đồ điều khiển, bảo vệ và kiểm tra, cũng như khắc lại vạch chia độ các thiết bị bảo vệ tại mỏ khi những thay đổi này chưa được nhà máy chế tạo đồng ý hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền cho phép.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không lập hoặc lập không đúng sơ đồ cung cấp điện toàn mỏ, các khu vực sản xuất; sơ đồ tiếp đất chung cho toàn mỏ theo quy định.

Điều 47. Vi phạm các quy định về chuẩn bị nguyên liệu; cấp tải, dỡ tải, vận chuyển nguyên liệu trong nhà máy tuyển khoáng

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về chuẩn bị nguyên liệu, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thiết kế, lắp đặt, trang bị hoặc thiết kế, lắp đặt, trang bị không đúng quy định cơ cấu bảo vệ, bảo hiểm để ngăn ngừa vật liệu văng ra gây nguy hại cho người đối với máy đập, máy nghiền;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy đập, máy nghiền theo quy định;

c) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không lập các giải pháp loại trừ bụi gây nổ trong quá trình đập, nghiền quặng có khả năng sinh ra bụi nổ.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về cấp tải, dỡ tải, vận chuyển nguyên liệu, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy trình, quy định về cấp tải, dỡ tải và vận chuyển nguyên liệu;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kiểm tra hoặc kiểm tra không đúng quy định về độ mòn của các đường ống vận chuyển nguyên liệu;

c) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây lắp và vận hành tời kéo.

Điều 48. Vi phạm các quy định về bảo quản, sử dụng thuốc tuyển; kho chứa khoáng sản, bãi thải, hồ thải quặng đuôi

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về bảo quản, sử dụng thuốc tuyển, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, lắp đặt thiết bị tại khu vực pha chế, kho chứa thuốc tuyển không đúng quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về kỹ thuật an toàn đối với người làm việc trong khu vực pha chế, kho chứa thuốc tuyển.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về kỹ thuật an toàn tại kho chứa khoáng sản; bãi thải, hồ thải quặng đuôi, cụ thể như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đầy đủ hoặc báo cáo không đúng thời gian quy định về thông tin dữ liệu hồ chứa quặng đuôi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo thông tin dữ liệu hồ chứa quặng đuôi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; không xây dựng biện pháp phòng chống cháy nổ đối với kho chứa khoáng sản có tính tự cháy;

c) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng, vận hành bãi thải quặng đuôi không đúng quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn;

d) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng biện pháp phòng chống cháy nổ tại bãi thải khô đối với khoáng sản có tính tự cháy; phương án giải quyết sự cố khi đập chắn bãi thải, hồ thải bị nứt vỡ.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

Điều 49. Vi phạm các quy định về việc lập hồ sơ, quản lý công tác an toàn trong khai thác khoáng sản theo quy định

1. Phạt tiền đối với một trong các hành vi vi phạm về việc lập hồ sơ quản lý an toàn trong khai thác khoáng sản theo quy định, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng quy chế quản lý và phân cấp quản lý về công tác an toàn, vệ sinh lao động;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một hành vi không xây dựng các tài liệu gồm: Quy trình, nội quy an toàn.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về tổ chức thực hiện công tác an toàn, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện giao ca và nhận lệnh sản xuất đầu mỗi ca không đúng quy định;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện giao ca và nhận lệnh sản xuất đầu ca;

c) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không kiểm tra kỹ thuật an toàn vị trí làm việc; máy, thiết bị trước khi thực hiện công việc; không kịp thời xử lý các hiện tượng gây mất an toàn.

3. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về nhật lệnh, ca lệnh, giao - nhận ca sản xuất, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi ghi nhật lệnh, ca lệnh, giao - nhận ca sản xuất không đầy đủ hoặc không đúng các nội dung;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không ghi các biện pháp khắc phục nguy cơ mất an toàn được phát hiện trước khi bắt đầu làm việc và trong thời gian làm việc vào nhật lệnh sản xuất.

4. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không gửi kế hoạch quản lý rủi ro cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp lập không đúng nội dung kế hoạch quản lý rủi ro theo quy định;

c) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp lập không đầy đủ nội dung kế hoạch quản lý rủi ro theo quy định;

d) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường hợp không lập kế hoạch quản lý rủi ro theo quy định.

Điều 50. Vi phạm các quy định về công tác kiểm tra, giám sát kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không có quy định hoặc quy định không đầy đủ về phân công trách nhiệm kiểm tra, giám sát kỹ thuật an toàn cho nhân sự quản lý, điều hành sản xuất trong khai thác khoáng sản.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm không thực hiện công tác kiểm tra, giám sát kỹ thuật an toàn theo quy định, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp người kiểm soát ra vào cửa lò không thực hiện kiểm tra người mang chất gây cháy, nổ và nguồn sinh lửa vào mỏ;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp Trưởng ca sản xuất hoặc tương đương không thực hiện kiểm tra kỹ thuật an toàn;

c) Từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường hợp Trưởng phòng, Quản đốc hoặc người được ủy quyền không thực hiện kiểm tra kỹ thuật an toàn;

d) Từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với trường hợp Giám đốc điều hành, các Phó Giám đốc theo lĩnh vực được phân công không thực hiện kiểm tra kỹ thuật an toàn hoặc kiểm tra không đủ.

Điều 51. Vi phạm quy định về kỹ thuật an toàn đối với giám đốc điều hành mỏ và nhân sự quản lý, điều hành sản xuất trong khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng tài liệu để huấn luyện cho giám đốc điều hành mỏ và nhân sự quản lý, điều hành sản xuất trong khai thác khoáng sản không đầy đủ hoặc không đúng các nội dung theo quy định; không đủ thời gian huấn luyện theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức huấn luyện theo định kỳ cho giám đốc điều hành mỏ hoặc một trong các nhân sự quản lý, điều hành sản xuất trong khai thác khoáng sản theo quy định; người huấn luyện kỹ thuật an toàn về khai thác khoáng sản không đúng tiêu chuẩn theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi giám đốc điều hành mỏ hoặc một trong các nhân sự quản lý, điều hành sản xuất trong khai thác khoáng sản hầm lò không có giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản theo quy định; sử dụng các chức danh quản lý, điều hành sản xuất không đúng tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 52. Vi phạm quy định đội ngũ ứng cứu khẩn cấp bán chuyên trách trong khai thác khoáng sản và chế độ báo cáo về tai nạn lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động trong khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng tài liệu để huấn luyện đội ngũ ứng cứu khẩn cấp bán chuyên trách trong khai thác khoáng sản không đầy đủ hoặc không đúng các nội dung theo quy định; không đủ thời gian huấn luyện theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức huấn luyện theo định kỳ cho đội ngũ ứng cứu khẩn cấp bán chuyên trách trong khai thác khoáng sản.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập đội ngũ ứng cứu khẩn cấp bán chuyên trách trong khai thác khoáng sản theo quy định; không thông tin đến Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi xảy ra sự cố nghiêm trọng gây tai nạn lao động chết người; sập đổ gây vùi lấp, mắc kẹt người; cháy, nổ trong mỏ; bục nước, bùn gây vùi lấp, mắc kẹt người.

Mục 6
VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ THU HỒI KHOÁNG SẢN; CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN; ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Điều 53. Vi phạm quy định về thu hồi khoáng sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo kết quả hoạt động thu hồi khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không trung thực về kết quả hoạt động thu hồi khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi thu hồi khoáng sản vượt quá khối lượng quy định trong giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ khối lượng khoáng sản chưa bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy có được do thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc báo cáo và cải chính thông tin đầy đủ, trung thực về kết quả thu hồi khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Buộc chi trả toàn bộ kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc để xác minh hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá khoáng sản đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này;

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này đối với khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trước thời điểm lập biên bản làm việc, biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc biên bản vi phạm hành chính.

Điều 54. Vi phạm quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, không thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động thu hồi khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động thu hồi khoáng sản để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không nộp hoặc nộp không đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sau thời hạn cuối cùng phải nộp theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động thu hồi khoáng sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 4 Điều này đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

Điều 55. Vi phạm quy định về chế biến khoáng sản; kinh doanh khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến chủng loại, khối lượng thuốc tuyển, hóa chất hoặc các loại vật chất khác được sử dụng trong hoạt động chế biến khoáng sản.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện thống kê, kiểm kê khối lượng, nguồn gốc khoáng sản được sử dụng cho hoạt động chế biến hoặc không thể hiện trong báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng thiết bị, công nghệ tiên tiến nhằm thu hồi tối đa khoáng sản, gia tăng giá trị khoáng sản nguyên khai theo thiết kế, dự án đầu tư được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chế biến khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp;

b) Không kê khai, không báo cáo trung thực, đầy đủ về hoạt động chế biến khoáng sản theo quy định;

c) Mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động chế biến khoáng sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu toàn bộ khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp, kể cả khoáng sản đã qua chế biến, đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc báo cáo, thống kê đầy đủ, trung thực các thông tin theo quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được từ hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều này;

c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật quy định tại điểm b khoản 5 Điều này đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

Điều 56. Vi phạm quy định về lấy mẫu thử nghiệm công nghệ chế biến

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo kế hoạch lấy mẫu thử nghiệm hoặc không báo cáo kết quả lấy mẫu thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi trong việc lấy mẫu thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản gồm: lấy mẫu không đúng chủng loại, không đúng khối lượng, không đúng vị trí được phép lấy mẫu theo văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi lấy mẫu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản mà chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ tang vật, khoáng sản chưa bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, khoáng sản đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 57. Vi phạm quy định đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không nộp hoặc chậm nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khi chưa được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận;

b) Không bảo đảm sự ổn định và an toàn của khu vực sau khi đóng cửa mỏ;

c) Không bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi ranh giới khu vực thực hiện đề án hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đến thời điểm bàn giao khu vực cho địa phương quản lý;

d) Không thực hiện đầy đủ khối lượng các hạng mục công việc trong đề án hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với toàn bộ diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc phương án đóng cửa mỏ một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đầy đủ các giải pháp đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn, phục hồi đất đai theo đề án đóng cửa mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

Mục 7
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 58. Vi phạm quy định về giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp định kỳ hoặc đột xuất thông tin về hoạt động khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông qua hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không giao nộp tài liệu nguyên thủy thu thập trong quá trình thực hiện đề án, dự án, nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản hoặc đề án thăm dò khoáng sản;

b) Không giao nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản hoặc mẫu vật bảo tàng thu thập được trong quá trình thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung cấp thông tin về hoạt động khoáng sản theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc giao nộp đầy đủ tài liệu nguyên thủy, mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 59. Vi phạm quy định về lưu trữ, bảo quản, cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cập nhật thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản theo quy định;

b) Không thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm các quy định về bảo mật và an ninh thông tin về địa chất, khoáng sản khi giao nộp dữ liệu;

b) Tự ý tiêu hủy thông tin, dữ liệu, mẫu vật địa chất, khoáng sản bị hư hỏng không thể phục chế hoặc hết trị giá sử dụng mà chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác hoặc không trung thực lên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản;

b) Không tuân thủ quy định về bảo mật và an ninh thông tin theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước khi khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản sai mục đích được phép;

b) Làm sai lệch thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản đã được cung cấp.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng số liệu, thông tin kết quả điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư để lập đề án thăm dò khoáng sản hoặc dự án đầu tư khai thác khoáng sản mà thông tin đó không do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp theo quy định;

b) Chưa hoàn trả đầy đủ hoặc không hoàn trả chi phí điều tra địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản khi sử dụng thông tin về khoáng sản phục vụ khai thác khoáng sản theo thông báo của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền, trừ trường hợp được miễn theo quy định;

c) Chuyển thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản trái phép cho bên thứ ba.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi hoặc điều chỉnh lại các thông tin, dữ liệu không đúng, không đầy đủ đã cung cấp đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của hệ thống thông tin, dữ liệu bị làm sai lệch đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 4 Điều này;

c) Buộc thu hồi thông tin, dữ liệu đã chuyển giao đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 5 Điều này.

Điều 60. Vi phạm quy định về giao nộp báo cáo, tài liệu, mẫu vật

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi giao nộp báo cáo, tài liệu, mẫu vật không đúng thời hạn, quá 60 ngày kể từ khi hoàn thành nhiệm vụ, dự án hoặc đề án.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện việc giao nộp đầy đủ báo cáo, tài liệu, mẫu vật còn thiếu cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Mục 8
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 61. Vi phạm quy định về thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản, trong thời hạn 12 tháng đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II và 09 tháng đối với khoáng sản nhóm III kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản hợp lệ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực tận thu khoáng sản, khu vực khoáng sản nhóm IV.

Điều 62. Vi phạm quy định về thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản hoặc trúng đấu giá ở khu vực tận thu khoáng sản, khu vực khoáng sản nhóm IV, trong thời hạn 36 tháng đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II và 18 tháng đối với khoáng sản nhóm III, nhóm IV kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Điều 63. Vi phạm quy định về gia hạn nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản

Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo hoặc không xin gia hạn thời hạn nộp hồ sơ trong trường hợp bất khả kháng hoặc thay đổi chính sách nhà nước làm ảnh hưởng đến việc thực hiện, dẫn đến quá thời hạn kéo dài tối đa 12 tháng.

Chương III
THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 64. Thẩm quyền xử phạt của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản và Thanh tra

1. Giám đốc Sở Công Thương, Chánh Thanh tra tỉnh có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành do Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp ra quyết định thành lập, trong thời hạn kiểm tra có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Công Thương ra quyết định thành lập, trong thời hạn kiểm tra có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ra quyết định thành lập, trong thời hạn kiểm tra có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định về thiết kế mỏ và các hành vi quy định tại mục 5 và mục 6 Chương II của Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Thanh tra viên Thanh tra Chính phủ, Thanh tra viên Thanh tra tỉnh đang thi hành công vụ có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

7. Trưởng đoàn thanh tra của Thanh tra tỉnh, trong thời hạn thanh tra có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

8. Trưởng đoàn thanh tra của Thanh tra Chính phủ, trong thời hạn thanh tra có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 65. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 66. Thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân

Lực lượng Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 8, 9, 10, 12, 13, 14, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 45, 47, 48, 52, 54 và Điều 57 của Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Chiến sĩ công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trị giá không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trị giá không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, i và o khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trị giá không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, i và o khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế, Cục Cảnh sát giao thông, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Cục trưởng Cục cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Cục trưởng Cục an ninh kinh tế; Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông; Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 67. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng

Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 8, 9, 10, 13, 21, 22, 24, 26, 27, 29, 32, 34, 35, 37, 45, 47, 48 và Điều 54 của Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trị giá không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trị giá không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, i và o khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trị giá không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, i và o khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trị giá không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 68. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển

Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với tất cả các hành vi vi phạm quy định trong Nghị định này tại khu vực thuộc trách nhiệm quản lý của Cảnh sát biển, cụ thể như sau:

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trị giá không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trị giá không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trị giá không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, i và o khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trị giá không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 69. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản được lập theo quy định tại Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này gồm:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các Điều 64, 65, 66, 67 và 68 Nghị định này có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với tất cả các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý;

b) Công chức, viên chức thuộc Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân các cấp; công chức thuộc Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh; người thuộc lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm thuộc phạm vi công vụ, nhiệm vụ được giao.

Điều 70. Đình chỉ hoạt động có thời hạn

1. Đình chỉ hoạt động có thời hạn trong phạm vi, không gian khu vực thực hiện hành vi vi phạm.

2. Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động thăm dò, khai thác, thu hồi, chế biến khoáng sản mà tổ chức, cá nhân vẫn tiếp tục thực hiện hoạt động bị đình chỉ thì bị xử phạt như hành vi thực hiện hoạt động đó khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Điều 71. Chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực khoáng sản để truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Chuyển hồ sơ vụ việc đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự xem xét, đánh giá đối với các hành vi vi phạm được quy định tại khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 11, khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 22, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 6 Điều 33 và khoản 1 Điều 32 của Nghị định này khi có dấu hiệu hình sự.

2. Trường hợp hồ sơ vụ việc tại khoản 1 Điều này được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự trả lại do không có dấu hiệu hình sự thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo khung tiền phạt cao nhất quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản đó; mức tiền phạt cụ thể được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 23 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 72. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản xảy ra và kết thúc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng vẫn đang diễn ra khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này để xử lý.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực trong đó có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là thu số lợi bất hợp pháp nhưng chưa hoàn thành việc xác định số lợi bất hợp pháp thì số lợi bất hợp pháp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được xác định như sau:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính phải thực hiện đo đạc để xác định khối lượng khoáng sản vi phạm, đơn vị thực hiện việc đo đạc phải chịu trách nhiệm toàn diện đối với kết quả đo đạc;

b) Đơn giá khoáng sản khai thác vi phạm hành chính là đơn giá khoáng sản nguyên khai chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được xác định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp xác định được khối lượng khoáng sản khai thác vi phạm hành chính theo từng thời điểm vi phạm cụ thể, đơn giá được xác định tại thời điểm vi phạm. Trường hợp không xác định được thời điểm vi phạm hoặc xác định được thời điểm vi phạm nhưng không xác định được khối lượng khoáng sản theo từng thời điểm vi phạm thì đơn giá được xác định tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm hành chính;

c) Chi phí trực tiếp được xác định là tổng trị giá trước thuế giá trị gia tăng của các loại chi phí sau:

Chi phí khấu hao tài sản cố định là máy móc, thiết bị hoặc chi phí thuê máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho hành vi vi phạm hành chính, được xác định theo quy định về tính khấu hao tài sản cố định hoặc hợp đồng thuê máy móc, thiết bị tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

Chi phí nhân công phục vụ trực tiếp cho hành vi vi phạm hành chính, được xác định trên cơ sở bảng chấm công, mức tiền lương, tiền công thực lĩnh của nhân công theo bảng chi lương nhân công của tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính;

Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư tiêu hao phục vụ trực tiếp cho hành vi vi phạm hành chính hoạt động khai thác khoáng sản, được xác định trên cơ sở hoá đơn, chứng từ, phiếu xuất kho tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

d) Trường hợp tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động liên quan trực tiếp đến khai thác khoáng sản thì chi phí trực tiếp được xác định trên cơ sở hợp đồng tương ứng với các loại chi phí trực tiếp;

đ) Trường hợp không tách được chi phí trực tiếp cho riêng khối lượng khoáng sản có được từ hành vi vi phạm hành chính thì chi phí trực tiếp được tính theo định mức chi phí (nếu có) hoặc xác định theo phương pháp bình quân trên cơ sở lấy tổng chi phí cần xác định chia (:) cho khối lượng khoáng sản khai thác trong năm có hành vi vi phạm hành chính. Công thức xác định như sau:

$$C_{vpi} = \frac{C_i}{Q_i} \times Q_{vp}$$

Trong đó:

C_{vpi} là chi phí trực tiếp i để khai thác khối lượng khoáng sản vi phạm;

C_i là tổng chi phí trực tiếp i trong năm làm căn cứ tính chi phí trực tiếp;

Q_i là tổng khối lượng khoáng sản khai thác trong năm làm căn cứ tính chi phí trực tiếp;

Q_{vp} là khối lượng khoáng sản vi phạm.

Điều 73. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2027.

2. Nghị định này bãi bỏ các nội dung liên quan tới lĩnh vực khoáng sản tại chương I, bãi bỏ chương III, chương IV của Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022) của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Điều 74. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). 4H

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Gia Túc